

Bản án số: **63/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 17-5-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Linh Thị Ngọc Thạch
2. Ông Nguyễn Lương Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 625/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Điều N, sinh năm: 1993

Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Chị Thị N1, sinh năm: 1997

Địa chỉ: ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Điều N trình bày: anh và chị Thị N1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì chị Thị N1 có tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Chị Thị N1 đã dọn ra ngoài sống riêng nên vợ chồng không còn chung sống từ tháng 3 năm 2021 đến nay, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, cuộc sống của ai người đó lo. Nay

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Thị N1.

Về con chung: Anh chị có với nhau 03 con chung là cháu Điều Thị Quỳnh N2, sinh ngày: 17/4/2015; cháu Điều Hoàng P, sinh ngày: 20/4/2018 và cháu Điều Thị Quỳnh T, sinh ngày: 23/8/2020. Khi ly hôn, anh Điều N yêu cầu được nuôi các con chung và không yêu cầu chị Thị N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Điều N trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Điều N trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Thị N1 được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng chị Thị N1 vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của chị Thị N1 đối với yêu cầu khởi kiện của anh Điều N.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho cho anh Đ Nho được ly hôn với chị Thị N1.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên là cháu Điều Thị Quỳnh N2, sinh ngày: 17/4/2015; cháu Điều Hoàng P, sinh ngày: 20/4/2018 và cháu Điều Thị Quỳnh T, sinh ngày: 23/8/2020. Khi ly hôn, anh Điều N yêu cầu được nuôi các con chung, chị Thị N1 không có lời khai về con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung là cháu N2, cháu P, cháu T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Điều N trình bày không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có. Chị Thị N1 không có lời khai đối với tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Anh Điều N khởi kiện chị Thị N1 về việc Ly hôn và yêu cầu nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là chị Thị N1 có nơi cư trú tại ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Điều N khởi kiện chị Thị N1, nên xác định anh N là nguyên đơn, chị N1 là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh Điều N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; chị Thị N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ Nho theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt chị Thị N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Điều N và chị Thị N1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Anh Điều N cho rằng cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do chị N1 có người đàn ông khác bên ngoài dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm nhau. Anh chị không còn sống chung từ tháng 3/2021 đến nay. Mặc dù chị N1 vắng mặt không có lời khai, nhưng qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập chị N1 nhiều lần để hòa giải nhưng chị N1 vẫn vắng mặt không có lý do. Qua đó, cho thấy chị N1 bỏ mặc, thờ ơ trong quan hệ hôn nhân với anh N. Theo biên bản xác minh tại nơi chị Nguyên sinh s thể hiện: quá trình sinh sống tại địa phương ban áp biết việc anh N và chị N1 xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh N, chị N1 thì ban áp không rõ do không báo để tiến hành hòa giải (bút lục số 27). Mặt khác, hiện nay anh N và chị N1 mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh N và chị N1 mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chấp nhận cho anh N được ly hôn với chị N1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Anh chị có 03 con chung là cháu Điều Thị Quỳnh N2, sinh ngày: 17/4/2015; cháu Điều Hoàng P, sinh ngày: 20/4/2018 và cháu Điều Thị Quỳnh T, sinh ngày: 23/8/2020. Xét thấy cháu Điều Thị Quỳnh N2 có nguyện vọng muốn được ở với cha và Điều N có nguyện vọng được nuôi các con chung nhưng chị Thị N1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của anh Đ Nho nên giao các con chung là cháu Điều Thị Quỳnh N2, cháu Đ Hoàng P và cháu Điều Thị Quỳnh T cho anh Điều N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Điều N tạm thời không yêu cầu chị Thị N1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh Điều N trình bày không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Anh Điều N trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[9] Về án phí: Anh Điều N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Điều N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Điều N được ly hôn với chị Thị N1.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 74, ngày 29/4/2016 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Điều Thị Quỳnh N2, sinh ngày: 17/4/2015; cháu Điều Hoàng P, sinh ngày: 20/4/2018 và cháu Điều Thị Quỳnh T, sinh ngày: 23/8/2020 cho anh Điều N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Điều N tạm thời không yêu cầu chị Thị N1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị Thị N1 được quyền thăm nom con chung nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Điều N. Khi cần thiết, anh Điều N và chị Thị N1 được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Điều N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Điều N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006838 ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Anh Điều N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Điều N và chị Thị N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hải